TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC A** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1331/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-11-2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mây

Bà Lê Thị Chí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 634/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3688/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4302/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trang Hoàng Mỹ P, sinh năm 1996; Thường trú: Số A đường Huỳnh Văn B, phường Phú N, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: Số B đường Thạnh L, khu phố 49, phường An Phú Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số C đường Thống N, khu phố 33, phường An Hội Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 09 tháng 5 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trang Hoàng Mỹ P trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trung H tự nguyện đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, nay là phường An Hội Đ, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/3/2024. Sau khi kết hôn nửa tháng vợ chồng ly thân, nhà ai nấy ở, ông H về nhà mẹ ruột tại 668/11 đường Thống

Nhất, Phường A, quận G, nay là phường An Hội Đ, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Vợ chồng không sống chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H không có con chung.

Tài sản chung: Bà và ông H không có.

Toà án đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham dự phiên toà đối với bị đơn là ông Nguyễn Trung H nhưng ông H vắng mặt, không có lý do.

Do ông H vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà P yêu cầu được ly hôn với ông H, không có con chung, không có tài sản chung.

Bị đơn ông H vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thư ký thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà P được ly hôn với ông H. Về con chung: Không có. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà P nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn với ông H, ông H có địa chỉ cư trú tại phường An Hội Đ, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án ly hôn thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G nay là Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông H theo đúng quy định tại Điều 175 và Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông H đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu các đương sự:

[2.1] Căn cứ Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Theo Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ việc".* Bị đơn ông H không đến tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà P cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2.2] Bà P yêu cầu được ly hôn với ông H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà P và ông H chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2024 ngày 22/3/2024 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, nay là phường An Hội Đ, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên hôn nhân của bà P và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà P, vợ chồng sau khi kết hôn được nửa tháng thì ly thân cho đến nay, ông H về nhà mẹ ruột sinh sống tại phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt, không trình bày ý kiến, không thể hiện gì về việc níu kéo hạnh phúc gia đình. Từ đó cho thấy bà P và ông H không có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không tạo điều kiện cho nhau phát triển, hôn nhân bà P và ông H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà P yêu cầu ly hôn với ông H là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2024 ngày 22/3/2024 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, nay là phường An Hội Đ, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

[2.3] Về con chung: Bà P xác định bà và ông H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Bà P xác định không có nhưng ông H không đến Tòa trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà P chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0062079 ngày 23/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận G. Bà P đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 5, Điều 91, Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trang Hoàng Mỹ P được ly hôn với ông Nguyễn Trung H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2024 ngày 22/3/2024 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, nay là phường An Hội Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà Trang Hoàng Mỹ P và ông Nguyễn Trung H không có.

Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trang Hoàng Mỹ P chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0062079 ngày 23/5/2025 tại Chi cục Thi hành án đân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trang Hoàng Mỹ P đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực A – TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Cúc

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**HỘI THẨM NHÂN DÂN**	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
		Trần Thị Hồng Cúc